| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 98/2019/HS-PT
Ngày: 29-11-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tỉnh

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Minh Đạt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:***

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 82/2019/HSPT ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Trần Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2019/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre;

*- Các bị cáo có kháng cáo:*

1. **Nguyễn Văn P (B),** sinh năm 1998 tại Bến Tre; nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị C, vợ Phạm Thúy H, sinh năm 2001, có một người con sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2019 cho đến nay, có mặt;

2. **Trần Văn T**, sinh năm 1997 tại Bến Tre; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2019 cho đến nay, có mặt;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T2 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 08 tháng 02 năm 2019, ông Trần Văn N, sinh năm 1967

và con ruột ông N là Trần Trung T, sinh năm 1986, cùng cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia đá gà ăn tiền với Lê Văn T2, sinh năm 1987 và Lê Văn B, sinh năm 1991 là em ruột ông T2, cùng cư trú: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Trong lúc đá gà thì ông N và B xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau. Sau đó ông N điện thoại cho Nguyễn Văn P sinh năm 1998, nơi cư trú ấp 2, xã T, huyện B đến chở ông N về và kể lại sự việc cho P biết. Sau đó, P cùng với Trần Văn T, sinh năm 1997, nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B đi đến quán cà phê của ông Lê Văn T2 ở ấp 4, xã T, huyện B để nói chuyện với ông T2 và B. Khi gặp T2, P nói "anh T2 biết tôi làm cho ông N mà rủ ông N đâm lộn chẳng khác nào rủ tôi đâm lộn với anh". T2 trả lời "đâm lộn". P và T đi về. Đến 23 giờ cùng ngày, Lê Văn L, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện B là em ruột ông T2 gọi điện cho P đe dọa "Gan mày lớn quá rồi, mày tránh mặt tao nha, tao gặp mày ở đâu tao sẽ cắt cổ mày".

P kể lại sự việc L đe dọa cho T và Phạm Minh T3, sinh năm 1992, nơi cư trú: ấp 2, xã Đ, huyện B biết. Đến khoảng 13 giờ ngày 09 tháng 02 năm 2019, P và T đang ở tại bến ghe của ông N thuộc ấp B, xã T, huyện B thì P rủ T đi tìm đánh L, T đồng ý. P lấy một cây kiếm cất vào một bao tải màu xanh, T lấy một cây rựa cùng cất vào bao rồi T điều khiển xe mô tô đi tìm L. T chở P đi đến khu vực ấp 4, xã T, huyện B thì thấy L đang ngồi trên giường trong hành lang nhà ông Võ Văn Đ, T dừng xe lại trong sân nhà, cách nơi L ngồi khoảng 03 mét. P xuống xe cầm cây kiếm xông đến chém trúng vào lưng của L, L chạy ra sân nhặt hai cục gạch ống cầm trên tay, P vung kiếm chém tiếp vào người của L, L đưa tay lên đỡ nên bị thương ở tay. L bỏ chạy về phía T đang đứng. Khi L chạy đến T cầm cây rựa chém một cái trúng vào đầu L. L tiếp tục chạy ra ngoài, P đuổi theo chém tiếp một nhát nữa trúng vào lưng của L, làm cho L ngã vào bụi rậm ở bên đường và chạy trốn vào nhà dân ở gần đó. Lúc này Phạm Minh T3 cùng với P và T4 (không xác định họ tên) chạy đến. Thấy L bị chảy máu nên P dừng lại không đuổi theo, T3 cùng với P và T4 cũng đi về. L được đưa đi cấp cứu. T chở P về bến ghe của ông N, T đem cất giấu cây rựa tại bến ghe, P đem cây kiếm ném xuống sông phía ngoài bến ghe.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Văn L. Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 76/319/TgT ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Lê Văn L có các vết thương:

- Vùng đỉnh đầu có vết thương dài khoảng 06 cm đã lành sẹo, kích thước 06 cm x 0,1cm, có tỷ lệ 02%.

- Vùng khuỷa tay trái có vết thương dài khoảng 05 cm đã lành sẹo, kích thước 05 cm x 0,2 cm, có tỷ lệ 01%.

- Vết thương mặt sau ngón I bàn tay phải dài 01 cm đã lành sẹo có kích thước 1 cm x 0,1 cm, có tỷ lệ 01%.

- Vết thương phần mềm vùng cổ tay trái dài khoảng 02 cm, đã lành sẹo, kích

thước 02 cm x 0,1 cm, có tỷ lệ 01%.

- Vùng lưng có 3 vết sây sát mỗi vết kích thước 20 cm x 0,2 cm; 15 cm x 0,2 cm, 05 cm x 0,1 cm đã lành, có tỷ lệ 01%.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 06%.

Lê Văn L không đồng ý với kết luận giám định của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre và có đơn yêu cầu giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể của L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trưng cầu Phân viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Văn L. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 67/19/TgT ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Phân viện Pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Văn L là:

- Bốn sẹo lớn vùng đỉnh chẩm, vùng lưng phải và vùng khuỷa tay trái có tỷ lệ 09%.

- Ba sẹo nhỏ vùng cổ tay phải, vùng ngón tay phải và vùng lưng trái có tỷ lệ 03%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Văn L là 12%.

Bị hại Lê Văn L khai Nguyễn Văn P, Trần Văn T và Phạm Minh T3 có dùng kiếm Nhật chém L. Tuy nhiên, Phạm Minh T3 không thừa nhận hành vi gây thương tích cho L và không xịt hơi cay vào người L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B triệu tập Lê Văn L tiến hành đối chất với Phạm Minh T3 để làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai của L và T3 nhưng L từ chối đối chất với T3.

Quá trình điều tra cả hai bị cáo P và T đã khai nhận P dùng kiếm và T dùng rựa gây thương tích cho L và Phạm Minh T3 không có gây thương tích cho L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tổ chức cho các bị cáo xác định các vết thương do các bị cáo gây ra, kết quả T xác định vết thương số 1 trong bản ảnh giám định là do T dùng rựa gây ra cho L, P xác định các vết thương tại vị trí số 2,3,4,5 trong bản ảnh giám định là do P dùng kiếm gây ra cho L.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ:

- Một cây rựa dài 85 cm, cán bằng kim loại sơn màu xanh dài 59cm, đường kính 03 cm, lưỡi rựa bằng kim loại màu đen, hình cong, dài 26 cm, rộng 4,5 cm, có một cạnh sắc bén.

- Một cây gậy sắt loại 3 khúc, khi bật ra dài nhất là 64,5 cm, khi thụt vào ngắn nhất 24cm, đường kính 2,5 cm, tay cầm có bọc cao su màu đen, đầu tay cầm có chữ SHY.

- Một bình xịt hơi cay dài 14,8 cm, đường kính 3,5 cm, hiệu NATO 110ml, made in Germany, thân bình bằng kim loại màu xanh, nắp bình bằng kim loại màu

đen, nút ấn vào màu đỏ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2019/HS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Trần Văn T phạm "Tội cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2019. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2019. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2019 bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù. Ngày 15/10/2019 bị cáo Trần Văn T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo; các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Trần Văn T phạm "Tội cố ý gây thương tích" theo đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03 (ba) năm tù, Trần Văn T 02 (hai) năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm gia đình các bị cáo có nộp đủ số tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên để bồi thường cho bị hại, xét các bị cáo có thêm tình tiết về bồi thường thiệt hại nên cần giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Trần Văn T phạm "Tội cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2019. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2019. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng các bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù để sớm về gia đình;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 13 giờ ngày 09 tháng 02 năm 2019 Nguyễn Văn P rủ Trần Văn T đi tìm Lê Văn L để đánh L, P sử dụng kiếm, T sử dụng rựa chém gây thương tích Lê Văn L với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Xét giữa P, T và L không mâu thuẫn gì với nhau, P cho rằng do L điện thoại kêu "khi thấy L phải né nếu không thì bị cắt cổ", P lại rủ T là người không mâu thuẫn với L đi tìm L gây thương tích, hành vi của P, T thể hiện tính cách xem thường sức khỏe của người khác. Với ý thức, hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Trần Văn T phạm "Tội cố ý gây thương tích" với các tình tiết định khung tăng nặng "Dùng hung khí nguy hiểm" và "Có tính chất côn đồ" theo điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo đã xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù lý do gia đình bị cáo gặp khó khăn về kinh tế, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, có bác là liệt sĩ, có con còn nhỏ và gia đình đã nộp đủ tiền để bồi thường cho bị hại. Xét các tình tiết này thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trần Văn T gia đình đã nộp đủ tiền để bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm gia đình các bị cáo nộp đủ số tiền theo như bản án đã tuyên để bồi thường cho bị hại (mỗi người 18.600.000 đồng theo các biên lai số 0002709 và 0002710 cùng ngày 28/11/2019) và bị cáo P có thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần giảm một phần hình phạt cho các bị cáo cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo. Đối với bị cáo T giảm hình phạt theo Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[3] Về án phí, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn P, Trần Văn T; Sửa Bản án sơ thẩm số 44/2019/HS-ST ngày 30-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Trần Văn T phạm "Tội cố ý gây thương tích".

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2019.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2019.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Nguyễn Văn P, Trần Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an và VKSND huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã T, huyện B (1b);
-Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (2b);
- Bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tỉnh**